

Số: /KH-THTM

Tiên Minh, ngày tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH THU – CHI CÁC KHOẢN
Năm học 2025-2026

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT về Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Hướng dẫn liên sở số 03/HDLG-GDĐT-STC ngày 26/9/2022 của Sở GD&ĐT- Tài chính về việc thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hải Phòng; Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Hướng dẫn liên sở số 86/HDLG-GDĐT-STC ngày 25/01/2024 của Sở GD&ĐT- Tài chính về việc thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế; Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế; Căn cứ Thực hiện công văn số 7048/VP-VX ngày 05/08/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc triển khai thực hiện chính sách BHYT học sinh, sinh viên năm học 2025-2026; Công văn số 20/BHXX ngày 07/8/2025 của Bảo hiểm xã hội cơ sở Tiên Lãng,

Căn cứ Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

Căn cứ Quyết định số 2050/2012/QĐ-UBND ngày 21/11/2012 của UBND thành phố Hải Phòng; Hướng dẫn số 146/SGDĐT-TTr ngày 14/02/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về việc thực hiện các quy định về dạy thêm học thêm;

Căn cứ Kế hoạch số 125-KH/LN ngày 06/09/2023 của Thành Đoàn- Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai phong trào “Kế hoạch nhỏ” giai đoạn 2023-2027; Căn cứ Kế hoạch số 34-KH/LN ngày 12/09/2023 của Huyện Đoàn- Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Tiên Lãng về triển khai phong trào “Kế hoạch nhỏ” giai đoạn 2023-2027;

Căn cứ Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT của Bộ GD&ĐT ngày 05/8/2025 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học hai buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026; Công văn số 5954/SGDĐT-GDMN&GDTH của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng ngày 26/8/2025 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026.

Căn cứ Công văn số 6126/SGDĐT-KHTC của Sở Giáo dục và Đào tạo ngày 29/8/2025 về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 348/UBND-VHXX của Ủy ban nhân dân xã Tiên Minh ngày 05/9/2025 về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026;

Căn cứ đặc điểm tình hình địa phương, nhà trường;

Trường Tiểu học Tiên Minh xây dựng kế hoạch thu - chi các khoản trong năm học 2025-2026 như sau:

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NHÀ TRƯỜNG

1. Cơ sở vật chất

- Số lượng điểm trường: 3 điểm trường, bao gồm điểm trường tại thôn Đông Ninh, điểm trường tại thôn Duyên Lão, điểm trường tại thôn Tụ Tiên;

- Số lượng phòng học: 30 phòng

- Số lượng phòng chức năng: 9 phòng

*** Hạn chế:**

Một số đồ dùng, thiết bị dạy học được cấp đã lâu nên đã hỏng hoặc thiếu chính xác;

2. Tổ chức bộ máy

a) - Tính đến thời điểm tháng 09 năm 2025, Trường Tiểu học Tiên Minh có tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 40 đồng chí

+ Cán bộ quản lý: 02 người

+ Giáo viên, nhân viên biên chế: 31 người.

+ Giáo viên hợp đồng: 3 người

+ Nhân viên văn thư hợp đồng theo Nghị định: 01 người

+ Nhân viên bảo vệ theo Nghị định 111: 02 người.

+ Nhân viên hợp đồng trường: 02 người (2 BV)

b) Học sinh

- Tổng số lớp: 21 lớp. Tổng số HS: 613 em

Trong đó:

+ Khối 1: 4 lớp = 124 em

+ Khối 2: 4 lớp = 114 em

+ Khối 3: 4 lớp = 123 em

+ Khối 4: 4 lớp = 112 em

+ Khối 5: 5 lớp = 140 em

B. KẾ HOẠCH THU

1. Bảo hiểm y tế:

Căn cứ Thực hiện công văn số 7048/VP-VX ngày 05/08/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc triển khai thực hiện chính sách BHYT học sinh, sinh viên năm học 2025-2026; Công văn số 20/BHXXH ngày 07/8/2025 của Bảo hiểm xã hội cơ sở Tiên Lãng,

Mức phí BHYT học sinh.

Mức đóng hằng tháng bằng 4,5% mức lương cơ sở hiện hành.

Ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối thiểu bằng 50% mức đóng BHYT

Mức phí tham gia BHYT năm học 2025-2026:

$2.340.000đ \times 4,5\% \times \text{số tháng tham gia} \times 50\%$

- Sinh ngày 01/01/2019-01/10/2019, hạn thẻ là 01/10/2025; (thẻ 15 tháng)

Hạn thẻ từ 01/10/2025 đến 31/12/2026: $(2.340.000 \text{ đồng} \times 4,5\% \times 15 \text{ tháng} \times 50\% = 789.750 \text{ đồng})$.

- Sinh ngày 02/10/2019-01/11/2019, hạn thẻ là 01/11/2025; (thẻ 14 tháng)

Hạn thẻ từ 01/11/2024 đến 31/12/2025: $(2.340.000 \text{ đồng} \times 4,5\% \times 14 \text{ tháng} \times 50\% = 737.100 \text{ đồng})$.

- Sinh ngày 02/11/2019-01/12/2019, hạn thẻ là 01/12/2025; (thẻ 13 tháng)

Hạn thẻ từ 01/12/2024 đến 31/12/2025: $(2.340.000 \text{ đồng} \times 4,5\% \times 13 \text{ tháng} \times 50\% = 684.450 \text{ đồng})$.

- Sinh ngày 02/12/2019-31/12/2019, hạn thẻ là 01/01/2026; (thẻ 12 tháng)

Hạn thẻ từ 01/01/2026 đến 31/12/2026: $(2.340.000 \text{ đồng} \times 4,5\% \times 12 \text{ tháng} \times 50\% = 631.800 \text{ đồng})$

- Đối với học sinh lớp #

+ Hạn thế từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2026: (2.340.000 đồng x 4,5% x 12 tháng x 50% = 631.800 đồng)

- GVCN là người vận động, ...

2. Quỹ “ Kế hoạch nhỏ”:

Tạm triển khai: Theo Kế hoạch 125-KH/LN ngày 06/9/2023 của Thành đoàn – Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai phong trào “Kế hoạch nhỏ” giai đoạn 2023-2027”

Vận động thu một đợt, (Tháng 11):

3. Tổ chức bán trú:

a. Tiền ăn:

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn TP Hải Phòng; Hướng dẫn liên sở số 03/HDLĐ-GDĐT-STC ngày 26/9/2022 của Sở GD&ĐT- Tài chính về việc thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn TP Hải Phòng; Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân TP về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của Hội đồng nhân dân TP quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Hướng dẫn liên sở số 86/HDLĐ-GDĐT-STC ngày 25/01/2024 của Sở GD&ĐT- Tài chính về việc thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/của HĐND TP Hải Phòng;

Căn cứ Công văn số 6126/SGDĐT-KHTC của Sở GDĐT ngày 29/8/2025 về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực GD&ĐT năm học 2025-2026

Căn cứ vào đặc điểm tình hình thực tế của nhà trường, căn cứ sự thỏa thuận giữa gia đình, nhà trường và công ty TNHH Cung cấp và chế biến thực phẩm Hoa Phượng, trường TH Tiên Minh thực hiện ăn bán trú năm học 2025-2026 như sau:

- + Xét nhu cầu, nguyện vọng của học sinh, PHHS
- + PHHS có đơn hoặc phiếu đăng ký ăn bán trú
- + Lớp 1;2;3;4;5: 28.000 đồng/ ngày (Gồm bữa chính và bữa phụ)
- + Thu theo tháng
- b. Chăm sóc bán trú và trông trưa.
 - + Mức thu: 6.250đ/HS/buổi
 - + Thu theo tháng
- c. Hỗ trợ cơ sở vật chất bán trú tạm thu: 150.000 đ/HS/năm học

4. Dạy học 2 buổi/ngày (hỗ trợ cơ sở vật chất, điện, nước)

+ Mức thu: 25.000 đồng/HS/tháng

+ Thu theo tháng

5. Giáo dục kỹ năng sống

Căn cứ thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;

Căn cứ Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT của Bộ GD&ĐT ngày 05/8/2025 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học hai buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026; Công văn số 5954/SGDĐT-GDMN&GDTH của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng ngày 26/8/2025 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026.

Căn cứ Quyết định số 1200/QĐ-SGDĐT ngày 06/7/2023 của Sở GD&ĐT Hải Phòng về việc tiếp tục cho phép hoạt động đối với Trung tâm Phát triển Giáo dục Quốc tế Gaia Hải Phòng;

Căn cứ Công văn số 1552/SGDĐT-GDTH-CN&ĐH ngày 21/7/2021 của Sở GD&ĐT về việc điều kiện liên kết dạy KNS của Trung tâm Phát triển Giáo dục Quốc tế Gaia Hải Phòng với các đơn vị giáo dục trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-BGDĐT ngày 11/01/2024 của Bộ GDĐT về việc phê duyệt Bộ tài liệu Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh Tiểu học.

Căn cứ quyết định số 3271/QĐ-SGDĐT ngày 27/05/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phố về việc cho phép thành lập trung tâm giáo dục kỹ năng sống và STEM Athena.

Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Chi nhánh Hải Phòng - Công ty Cổ phần IGCE Vĩnh Phúc số 2500722328-001 Sở kế hoạch và đầu tư Thành Phố Hải Phòng cấp ngày 31/12/2024, chi nhánh Hải Phòng - Công ty cổ phần IGCE Vĩnh Phúc được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành Phố Hải Phòng cấp phép được triển khai giảng dạy chương trình Kỹ năng sống và STEM trên địa bàn Thành Phố Hải Phòng.

- Nhà trường phối hợp với công ty cổ phần phát triển giáo dục quốc tế GAIA, Chi nhánh Hải Phòng - Công ty cổ phần IGCE Vĩnh Phúc tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho HS,

+ Trên tinh thần tự nguyện của phụ huynh và học sinh.

+ Cha mẹ HS làm đơn hoặc phiếu đăng kí cho con tham gia.

+ Thời gian học dự kiến 9/2025.

+ Thời lượng 2 tiết/tuần; 4 tiết/tháng, 10.000đ/Tiết

+ Thu theo tháng

6. Tổ chức quản lý học sinh ngoài giờ hành chính

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Hướng dẫn liên sở số 03/HDLS-GDĐT-STC ngày 26/9/2022 của Sở GD&ĐT- Tài chính về việc thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hải Phòng; Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/01/2024 của Sở GD&ĐT- Tài chính về việc thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng;

+ Mức thu: 7000 đồng/HS/tiết (45')

+ Thời gian thu: Thu theo tháng,

7. Tiền học Tiếng Anh tăng cường với giáo viên nước ngoài

Căn cứ Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020”; Quyết định số 72/2014/QĐ-TTg ngày 17/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác; Chương trình hành động số 34-CTr/TU ngày 04/02/2015 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; Quyết định số 2541/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động nhằm thực hiện thành công mục tiêu “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Hướng dẫn liên sở số 03/HDLS-GDĐT-STC ngày 26/9/2022 của Sở GD&ĐT- Tài chính về việc thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hải Phòng; Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về sửa

đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/01/2024 của Sở GD&ĐT- Tài chính về việc thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng;

+ Mức thu: 35.000 đồng/HS/Tiết

+ Thời gian thu: Thu theo tháng,

8. Tiền trông coi xe học sinh:

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Hướng dẫn liên sở số 03/HDLS-GDĐT-STC ngày 26/9/2022 của Sở GD&ĐT- Tài chính về việc thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hải Phòng; Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/01/2024 của Sở GD&ĐT- Tài chính về việc thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng;

Thu 20.000 đồng/HS/tháng

Thu theo tháng

9. Nước uống cho học sinh

- Mức thu: 10.000 đồng/HS/tháng

- Thời gian thu: Thu theo tháng

*** Thu hộ chi hộ**

+ **Đồng phục.**

- HS, PHHS tự nguyện

- Kiểu dáng, màu sắc nhà trường thống nhất với Ban đại diện CMHS. Giá cả, thỏa thuận hợp đồng, thu tiền, thanh toán, ... do Ban ĐDCMHS của lớp tự thu chi, GVCN các lớp xác nhận chi

* **Một số khoản chi phí khác:** Nhân đạo, từ thiện, ...
(Theo các văn bản tuyên truyền vận động, thư kêu gọi, ...)

* **Lưu ý chung:**

Có chế độ miễn giảm cho HS nghèo, cận nghèo; HS có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt khó khăn (Do BGH, KT, TQ, GVCN thống nhất miễn các khoản đối với từng học sinh)

Không thu dôn.

C. KẾ HOẠCH CHI

1. Bảo hiểm y tế:

Nộp 100% kinh phí thu được về Bảo hiểm xã hội cơ sở Tiên Lãng theo đợt (Công văn số 7048/VP-VX ngày 05/08/2025).

Thời gian thực hiện.

Đối với lớp 1.

+ Nộp DS học sinh tham gia BHYT về đ.c Kế toán trước ngày 15/9/2025 (Nộp bản in có ký tên của GVCN và bản mềm về gmail của nhà trường)

Đ.c Kế toán nộp tiền về tài khoản chuyên thu của cơ quan BHXH cơ sở Tiên Lãng tại ngân hàng NN&PTNT Tiên Lãng-chi nhánh Đông Hải Phòng và mọi hồ sơ, thủ tục về BHXH cơ sở Tiên Lãng.

Đối với các lớp 2;3;4;5.

+ Nộp DS học sinh tham gia BHYT (Tham khảo DSHS đang tham gia BHYT còn hạn đến 31/12/2025) về đ.c Kế toán trước ngày 27/10/2025 (Nộp bản in có ký tên của GVCN và bản mềm về gmail của nhà trường)

Đ.c Kế toán nộp tiền về tài khoản chuyên thu của cơ quan BHXH cơ sở Tiên Lãng ngân hàng NN&PTNT Tiên Lãng-chi nhánh Đông Hải Phòng và mọi hồ sơ, thủ tục về BHXH cơ sở Tiên Lãng.

2. Quỹ “Vòng tay bè bạn - Kế hoạch nhỏ” (Dự kiến)

Tỉ lệ trích nộp xây dựng quỹ “Kế hoạch nhỏ” như sau:

+ Cấp liên đội giữ lại 75% để xây dựng quỹ liên Đội

+ Trích nộp 25% để xây dựng quỹ Đội cấp trên

- Không vận động đối với HS nghèo, cận nghèo, HCKK...

3. Tiền ăn bán trú và chăm sóc bán trú:

+ Tiền ăn bán trú: thu nộp 100% về công ty cung cấp và chế biến thực phẩm

+ Thu tiền chăm sóc bán trú:

- Dự kiến thu năm học 2025-2026:

230 HS x 6.250đ/HS/buổi x 16 buổi x 9 tháng=207.000.000 đồng

- Dự kiến chi: 207.000.000 đồng

Stt	Nội dung chi	Tỷ lệ	Dự chi
I	Chi cho CB,GV,NV (Trong đó chi GV,NV trực tiếp trong: 68,6%, GVCN: 5%)	73,6%	152.352.000
II	Chi CSVC, phúc lợi	10%	20.700.000
III	Quản lý quỹ tại trường: (BGH,KT,TQ, BV)	14,4%	29.808.000
IV	Chi nộp thuế	2%	4.140.000

+ Thu tiền hỗ trợ CSVC bán trú:

- Dự kiến thu năm học 2025-2026: 230 em x 150.000=34.500.000 đồng

- Dự kiến chi: Chi mua chổi lau nhà, mua nước lau sàn, khăn giấy, khăn lau bàn, phun khử khuẩn, ...: 34.500.000 đồng

4. Dạy học 2 buổi/ngày (hỗ trợ cơ sở vật chất, điện, nước):

- Dự kiến thu: 565 em x 25.000 x 9 tháng= 127.125.000 đồng

- Dự kiến chi hỗ trợ tiền điện nước, cơ sở vật chất: 127.125.000 đồng

5. Giáo dục kỹ năng sống

- Dự kiến thu:

565 HS x (10.000đ/ tiết x 4 tiết/ tháng) x 9 tháng = 203.400.000 đồng (đã miễn 50 HS khó khăn)

- Dự kiến chi:

Chi 84% chi trả công ty	170.856.000 đồng
Chi 10,68% quản lý, quản lý quỹ	21.723.120 đồng
Chi 3% CSVC	6.102.000 đồng
Chi 2% Phúc lợi	4.068.000 đồng
Chi nộp thuế 0,32%	650.880 đồng
Tổng cộng	203.400.000 đồng

6. Chi tổ chức quản lý học sinh ngoài giờ hành chính

- Dự kiến thu:

565 HS x (7.000đ x 16 tiết) x 9 tháng = 569.520.000 đồng (đã miễn 50 HS khó khăn)

- Dự kiến chi:

Chi 70% chi QLHS và công tác phụ trách lớp (GV) (Trong đó: GVCN: 5%, GV trực tiếp giảng dạy: 65%)	398.664.000 đồng
Chi 19% quản lý, quản lý quỹ, bảo vệ...	108.208.800 đồng
Chi 5% CSVC	28.476.000 đồng
Chi 4% phúc lợi	22.780.800 đồng
Chi nộp thuế 2%	11.390.400 đồng
Tổng cộng	569.520.000 đồng

7. Học Tiếng Anh yếu tố người nước ngoài:

- Dự kiến thu:

565 HS x (35.000đ x 2 tiết) x 9 tháng = 355.950.000 đồng (đã miễn 50 HS)

- Dự kiến chi:

Nộp Công ty (84%)	298.998.000 đồng
Chi GV phụ trách lớp (5%)	17.797.500 đồng
Chi quản lý, quản lý quỹ, bảo vệ, phục vụ (8,18%)	29.116.710 đồng
Chi 1,5% CSVC	5.339.250 đồng
Chi 1% phúc lợi	3.559.500 đồng
Chi nộp thuế (0,32%)	1.139.040 đồng
Tổng	355.950.000 đồng

8. Tiền trông coi xe học sinh:

+ Thu 20.000 đồng/HS/tháng

- Dự kiến thu:

230 HS x 20.000đ x 9 tháng = 41.400.000 đồng

- Dự kiến chi:

Trả nhân viên BV trông coi xe (55%)	22.770.000 đồng
Nộp thuế GTGT(5%)	2.070.000 đồng
Nộp thuế TNDN (5%)	2.070.000 đồng
Chi CSVC (35%)	14.490.000 đồng

Tổng	41.400.000 đồng
-------------	------------------------

9. Nước uống cho học sinh:

- Dự kiến thu: 613 HS x 10.000 x 9 tháng= 55.170.000 đồng
- Dự kiến chi: trả công ty cung cấp nước 100%: 55.170.000 đồng

10. Thanh toán tiền dạy vượt giờ của giáo viên:

+ Chỉ thanh toán tiền lương dạy thêm giờ ở đơn vị hoặc bộ môn thiếu số lượng nhà giáo do cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đơn vị hoặc bộ môn không thiếu nhà giáo thì chỉ được thanh toán tiền lương dạy thêm giờ khi có nhà giáo nghỉ ốm, nghỉ thai sản theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội hoặc đi học tập, bồi dưỡng, tham gia đoàn kiểm tra, thanh tra và tham gia những công việc khác (sau đây gọi chung là đi làm nhiệm vụ khác) do cấp có thẩm quyền phân công, điều động phải bố trí nhà giáo khác dạy thay.

+ Chỉ thanh toán tiền lương dạy thêm giờ cho đối tượng GV biên chế, hợp đồng

+ Tổng số giờ dạy vượt định mức: Số giờ dạy không quá 12h/ngày, 30h/tháng, số tiết dạy thêm không vượt quá 200 tiết dạy/năm;

+ Đơn giá tiết dạy: Theo Thông tư liên tịch số 07/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC

Tiền lương của một tháng làm căn cứ tính trả tiền lương dạy thêm giờ của nhà giáo, bao gồm: mức lương theo ngạch, bậc hiện hưởng, các khoản phụ cấp lương và hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có).

Tiền lương dạy thêm giờ/năm học = số giờ dạy thêm/năm học x Tiền lương 01 giờ dạy thêm;

Tiền lương 01 giờ dạy thêm = Tiền lương 01 giờ dạy x 150%;

Tiền lương 01 giờ dạy:

Đối với giáo viên cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trường trung cấp chuyên nghiệp và giáo viên, giảng viên cơ sở dạy nghề:

$$\text{Tiền lương 1 giờ dạy} = \frac{\text{Tổng tiền lương 12 tháng trong năm học}}{\text{Định mức giờ dạy/năm}} \times \frac{\text{Số tuần dành cho giảng dạy(dạy trẻ)}}{52 \text{ tuần}}$$

Tuy nhiên, do điều kiện Ngân sách nhà trường còn nhiều khó khăn, vì vậy, thống nhất chung tiền lương 1 tháng làm căn cứ tính trả tiền lương dạy thêm giờ lấy theo mức lương bậc 1 là 2,34 kèm theo mức phụ cấp ưu đãi. Do đó:

- Tiền lương 01 tháng làm căn cứ tính trả tiết dạy vượt giờ của giáo viên
= (2,34+2,34 x 35%) x 2.340.000 = 7.392.060 đồng/ tháng

$$\begin{aligned}
 - \text{Đơn giá tiết dạy vượt giờ} &= \frac{(7.392.060 \times 12 \text{ tháng})}{23 \text{ tiết} \times 35 \text{ tuần}} \times \frac{35 \text{ tuần}}{52 \text{ tuần}} \times 150\% \\
 &= 111.252 \text{ đồng}
 \end{aligned}$$

D. Các khoản vận động, tự nguyện

Nhà trường xây dựng kế hoạch tiếp nhận tài trợ. (Có Kế hoạch riêng)

E. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ kế hoạch thu chi, các bộ phận phụ trách CSVC, chuyên môn có trách nhiệm lập kế hoạch cụ thể việc mua sắm, sửa chữa CSVC; kế hoạch mua sắm bổ sung tài liệu chuyên môn, kế hoạch chi thưởng HS,... để phân phối nguồn chi đảm bảo việc thu, chi đạt hiệu quả thiết thực, tiết kiệm, tránh lãng phí.

2. Việc thu, chi được quyết toán và công khai trên bảng tin nhà trường theo quy định của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT.

3. Phân công nhiệm vụ các cá nhân, bộ phận

a) GVCN các lớp: Có trách nhiệm triển khai thu các khoản thu, ủng hộ của PHHS, học sinh theo đúng quy định; lập danh sách thu theo đúng mẫu.

b) Bộ phận kế toán tài vụ: Có trách nhiệm lập các biểu mẫu thu, chi; tổng hợp số liệu; lập hồ sơ thanh quyết toán hàng tháng, quý; tham mưu cho Hiệu trưởng về các hạng mục chi, định mức chi để đảm bảo theo đúng quy định của công tác tài chính hiện hành.

c) Hiệu trưởng: Triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thu, chi của giáo viên chủ nhiệm các lớp, bộ phận kế toán tài vụ; duyệt chi; duyệt các báo cáo tổng hợp số liệu, báo cáo quyết toán; xử lý các cá nhân vi phạm trong công tác tài chính. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc phát sinh, các cá nhân, bộ phận kịp thời báo cáo Hiệu trưởng để có hướng giải quyết.

Nơi nhận:

- UBND xã;
- Đăng trên website;
- KT, TQ, CBQL, GV, NV;
- Lưu:.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Văn Bảy